

Số: 35 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO

Về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 1575
ĐẾN	Ngày: 27/02/17
	Chuyến:

Thực hiện Công văn số 5365/BNV-TCBC ngày 15/11/2016 của Bộ Nội vụ về việc báo cáo cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh báo cáo như sau:

I. Thực trạng hệ thống tổ chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Tổng hợp số liệu về các đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh giai đoạn 2011 – 2016:

a) Năm 2011:

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập: 1.034 đơn vị;
- Tổng số người làm việc (kể cả hợp đồng lao động): 23.507 người.

b) Năm 2016:

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập: 1.017 đơn vị;
- Tổng số người làm việc (kể cả hợp đồng lao động): 27.591 người.

(Cụ thể theo Phụ lục số 1 đính kèm).

2. Tình hình thực hiện:

a) Kết quả đạt được:

Trong những năm qua, nhìn chung các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao của từng đơn vị, giải quyết kịp thời các nhiệm vụ chuyên môn của từng ngành, từng lĩnh vực, đáp ứng chức năng cơ bản trong quá trình phục vụ nhiệm vụ quản lý Nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Các tổ chức sự nghiệp từng bước được kiện toàn theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, vị trí việc làm tại các đơn vị sự nghiệp bước đầu đã xác định. Chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền quan tâm và phê duyệt đảm bảo số lượng, định mức, cũng như ngân sách nhà nước cấp đảm bảo để vận hành, thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

b) Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh còn những hạn chế sau:

- Số lượng đơn vị sự nghiệp nhiều, quy mô nhỏ.

- Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp ở một số lĩnh vực có sự tương đồng, trùng lặp (*như lĩnh vực đào tạo nghề, lĩnh vực bảo trợ xã hội, lĩnh vực y tế*).

- Biên chế sự nghiệp (số lượng người làm việc) tăng dần qua các năm, chủ yếu là từ 2013 trở về trước; thừa thiếu cục bộ về số lượng người làm việc vẫn tồn tại, nhất là đối với sự nghiệp giáo dục.

- Đa số các đơn vị sự nghiệp chưa thật sự năng động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; phương thức hoạt động của các đơn vị chưa được đổi mới, công tác xã hội hóa các dịch vụ công chậm; chất lượng dịch vụ do các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp nhìn chung còn hạn chế.

c) Nguyên nhân:

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đến việc rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế các đơn vị sự nghiệp; công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động các đơn vị sự nghiệp chưa được thường xuyên.

- Phần lớn các đơn vị sự nghiệp vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước, vào cơ quan cấp trên để hoạt động.

- Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt; giao chỉ tiêu biên chế chưa tính hết khả năng tự chủ của các đơn vị sự nghiệp.

3. Đề xuất, kiến nghị để nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập:

Thực hiện rà soát, sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh được tiến hành đồng bộ, toàn diện từ rà soát cơ sở pháp lý thành lập, chức năng, nhiệm vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ... Những đơn vị có chức năng, nhiệm vụ giống nhau thì đề xuất sáp nhập, hợp nhất; đơn vị sự nghiệp hoạt động hiệu quả thấp thì đề xuất giải thể, chuyển giao nhiệm vụ cho đơn vị khác thực hiện hiệu quả hơn; đơn vị sự nghiệp có khả năng khai thác nguồn thu thì chuyển sang mô hình tự trang trải kinh phí; những nhiệm vụ mà doanh nghiệp hoặc thành phần kinh tế khác có thể thực hiện hoặc thực hiện hiệu quả hơn thì đề xuất chuyển giao. Hạn chế chia nhỏ, phân tán chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức.

a) Năm 2017

(1) Sự nghiệp Giáo dục: Giảm 03 đơn vị, cụ thể:

- Sáp nhập Trường Trung cấp nghề Đức Phổ, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung tâm đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất, trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi vào Trường Trung cấp nghề Quảng Ngãi, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Lý do sáp nhập: Ba đơn vị này có cùng chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề đào tạo cơ bản giống nhau. Vì vậy, việc sáp nhập 03 đơn vị này sẽ giảm được đầu mối, thuận lợi trong công tác chỉ đạo, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

- Sáp nhập Trung tâm dạy nghề Phụ nữ, thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh vào Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân, thuộc Hội Nông dân tỉnh thành Trung tâm Dạy nghề Nông dân và Phụ nữ tỉnh, thuộc Hội Nông dân tỉnh.

Lý do sáp nhập: Hai Trung tâm có cùng chức năng đào tạo nghề (*đối tượng là phụ nữ và nông dân*); đồng thời nhằm khai thác, tận dụng cơ sở vật chất đã được đầu tư xây dựng của Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân tỉnh (*hiện nay Trung tâm dạy nghề Phụ nữ không đủ điều kiện cơ sở vật chất*).

(2) Sự nghiệp y tế: Giảm 09 đơn vị, cụ thể:

*** Tuyển tỉnh:** Giảm 03 đơn vị, cụ thể:

- Hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Phòng chống sốt rét tỉnh và Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS tỉnh thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, trực thuộc Sở Y tế.

Lý do hợp nhất: Các đơn vị tương đồng về chức năng, nhiệm vụ; đồng thời thực hiện theo Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Sáp nhập Bệnh viện Đa khoa Dung Quất vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh. (*thành các cơ sở trực thuộc*).

Lý do sáp nhập: Nhằm hình thành các cơ sở điều trị để giảm tải cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân.

*** Tuyển huyện:** Giảm 06 đơn vị, cụ thể:

- Sáp nhập Bệnh viện Đa khoa huyện Sơn Tịnh và Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ngãi vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh, trực thuộc Sở Y tế.

Lý do sáp nhập: Nhằm hình thành các cơ sở điều trị để giảm tải cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân.

- Hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng huyện Bình Sơn và Bệnh viện Đa khoa huyện Bình Sơn thành Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn, trực thuộc Sở Y tế.

- Hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng huyện Mộ Đức và Bệnh viện Đa khoa huyện Mộ Đức thành Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, trực thuộc Sở Y tế.

- Hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng huyện Tư Nghĩa và Bệnh viện Đa khoa huyện Tư Nghĩa thành Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa, trực thuộc Sở Y tế.

- Hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng huyện Nghĩa Hành và Bệnh viện Đa khoa huyện Nghĩa Hành thành Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành, trực thuộc Sở Y tế.

Lý do hợp nhất: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Theo đó, sắp xếp giảm 08 đơn vị.

*** Thành lập Bệnh viện Đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm, trên cơ sở tổ chức lại Bệnh viện Đa khoa Đặng Thùy Trâm (thành bệnh viện tuyến tỉnh).**

*** Đổi tên 03 trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện:**

- Đổi tên Trung tâm Y tế dự phòng huyện Đức Phổ thành Trung tâm Y tế huyện Đức Phổ (*chỉ thực hiện chức năng dự phòng*).

- Đổi tên Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Quảng Ngãi thành Trung tâm Y tế thành phố Quảng Ngãi (*chỉ thực hiện chức năng dự phòng*).

- Đổi tên Trung tâm Y tế dự phòng huyện Sơn Tịnh thành Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh (*chỉ thực hiện chức năng dự phòng*).

*** Tuyển xã:** Giữ nguyên tổ chức

(3) Sự nghiệp Văn hóa: Giảm 02 đơn vị, cụ thể:

Hợp nhất 03 đơn vị: Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Trung tâm văn hóa thể thao Dung Quất, trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi thành Trung tâm Văn hóa và Chiếu bóng tỉnh Quảng Ngãi, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Lý do hợp nhất: Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch nhằm giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động; đồng thời thực hiện theo Nghị quyết số 08/2009/NQ-HĐND ngày 24/7/2009 về Đề án phát triển xã hội hóa hoạt động văn hóa, thể thao tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009 – 2015 và định hướng đến năm 2020.

(4) Sự nghiệp khác: Giảm 03 đơn vị, cụ thể:

- Hợp nhất Trung tâm Bảo trợ Xã hội và Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội thành Trung tâm Công tác xã hội, thuộc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.

Lý do hợp nhất: Về cơ bản, chức năng và nhiệm vụ của 02 Trung tâm tương đồng nhau (*tiếp nhận, quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng các đối tượng xã hội, đối tượng yếu thế*). Việc hợp nhất 02 đơn vị này sẽ giảm được đầu mối, thuận lợi trong công tác chỉ đạo, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

- Hợp nhất Ban Quản lý Rừng phòng hộ môi trường, cảnh quan Dung Quất và Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất thành Trung tâm kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất, thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

Lý do hợp nhất: Nhằm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất hiện nay; giảm được đầu mối, thuận lợi trong công tác chỉ đạo, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

- Sáp nhập Ban Quản lý phát triển đô thị Dung Quất vào Ban Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

Lý do sáp nhập: Sắp xếp lại tổ chức để phù hợp với tình hình thực tế quản lý và cung cấp dịch vụ công trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.

b) Đến năm 2020

Tiếp tục thực hiện đánh giá, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; trong đó sẽ tiến hành hợp nhất hoặc giải thể các đơn vị đào tạo nghề hoạt động kém hiệu quả để tiến đến chỉ còn 01 đầu mối đào tạo nghề công lập trên địa bàn tỉnh vào năm 2020 (*các đơn vị, gồm: Trường cao đẳng nghề Việt Nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi; Trường trung cấp nghề Quảng Ngãi; Trung tâm dạy nghề Nông dân và phụ nữ tỉnh*).

Như vậy, tổng số đơn vị giảm là 19 (trong đó: Năm 2017 giảm 17 đơn vị; đến năm 2020 giảm 02 đơn vị)

II. Về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đánh giá thực trạng cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2011 – 2016, kết quả, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế.

a) Kết quả:

Đến nay, hầu hết các đơn vị sự nghiệp đều được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí theo quy định của Chính phủ. Qua thời gian triển khai thực hiện đã đem lại hiệu quả tích cực, nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành sử dụng biên chế và kinh phí ở các cơ quan, đơn vị. Viên chức, người lao động đều tham gia gián tiếp hoặc trực tiếp quản lý, điều hành nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị mình thông qua việc tham gia xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; theo dõi, giám sát việc điều hành kinh phí hoạt động của đơn vị. Qua đó, đã tạo động lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, xây dựng ý thức tiết kiệm về kinh phí hoạt động trong mỗi viên chức và người lao động. Hầu hết các đơn vị sự nghiệp hàng năm đều tiết kiệm được kinh phí để hỗ trợ nhằm nâng cao đời sống cho đội ngũ viên chức và người lao động.

b) Tồn tại, hạn chế

- Các đơn vị sự nghiệp chủ yếu dựa vào ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 1.017 đơn vị đến năm 2016, có 931 đơn vị sự nghiệp do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, chiếm tỷ lệ quá cao (91,54%); có 67 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, chiếm 6,59% (*trong đó tỷ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên của đơn vị rất thấp*); có

13 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên, chiếm 1,28% và 06 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, chiếm 0,59%.

- Một số lĩnh vực đơn vị sự nghiệp có xu hướng còn ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, xin tăng thêm về số lượng biên chế, không có ý thức cắt giảm chi phí, chưa thực sự chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ; phương thức hoạt động của các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập chưa được đổi mới đồng bộ.

- Định mức kinh phí do ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị còn mang tính bình quân (*chủ yếu theo chỉ tiêu biên chế, chỉ tiêu học sinh, chỉ tiêu giường bệnh*) chưa tính đến nhiệm vụ, đặc điểm cụ thể của từng đơn vị.

- Nhiều đơn vị sự nghiệp của tỉnh có nguồn thu không lớn, không có khả năng phát triển các hoạt động dịch vụ. Tuy nhiên, có một số ít đơn vị có hoạt động dịch vụ nhưng chủ yếu phải hợp đồng thuê, khoán đối tượng bên ngoài. Nguồn thu hoạt động dịch vụ này phải thanh toán lại cho các đối tượng thuê ngoài; mặt khác các đơn vị còn phải tiết kiệm 10% kinh phí hoạt động thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương nên kinh phí tiết kiệm còn lại ít, không có tác động tích cực đối với việc thực hiện cơ chế tự chủ, tăng nguồn thu, tiết kiệm chi để tăng thu nhập cho viên chức và trích lập các quỹ theo quy định.

c) Nguyên nhân:

- Một số đơn vị và viên chức nhận thức chưa đúng về cơ chế khoán, giao quyền tự chủ, chỉ đơn thuần là nhằm để tăng thu nhập cho người lao động mà chưa chú trọng đúng mức đến các yêu cầu về đổi mới cơ chế quản lý, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm cho đơn vị trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu suất, hiệu quả công việc.

- Do chưa phê duyệt phân loại cụ thể loại dịch vụ công nào được sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước, loại dịch vụ công nào sử dụng từ nguồn thu được để lại của đơn vị.

- Việc giao dự toán cho các đơn vị sự nghiệp công chủ yếu là dựa vào chỉ tiêu biên chế nhà nước giao (*trừ hệ điều trị và hệ đào tạo dài hạn*), giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, chưa được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ (*trừ hệ đào tạo dài hạn đối với các đơn vị đào tạo không phải là đơn vị do tỉnh quản lý và một số ít lĩnh vực khác*).

- Hệ thống cơ chế chính sách về quản lý và phương thức hoạt động của các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập chưa được đổi mới một cách đồng bộ; tiêu chí kết hợp việc đánh giá kết quả sử dụng kinh phí với kết quả thực hiện nhiệm vụ và chất lượng hoạt động sự nghiệp công khi giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm chưa có hoặc có nhưng chưa cụ thể. Bên cạnh đó, một số chính sách là tiền đề, điều kiện quan trọng của việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập (*như hệ thống định*

mức kinh tế kỹ thuật của từng ngành, lĩnh vực sự nghiệp, chính sách viện phí, học phí...) còn chậm ban hành hoặc mới được ban hành.

- Sự cứng nhắc trong các ràng buộc về cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập làm cho các dịch vụ mới phát sinh không được đáp ứng kịp thời; các dịch vụ có xu hướng bị đào thải cũng không được giải quyết một cách hiệu quả như giải thể hoặc chuyển đổi ngành nghề nhằm giảm kinh phí cho ngân sách nhà nước và toàn xã hội.

- Theo quy định của Luật Ngân sách, các địa phương ban hành quyết định giao định mức phân bổ dự toán năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách (5 năm) nên những năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách các đơn vị gặp khó khăn trong điều hành nguồn kinh phí tự chủ, nhất là các đơn vị có số lượng biên chế được giao thấp hoặc số biên chế thực hiện bằng số biên chế được giao.

2. Đề xuất kiến nghị các biện pháp, giải pháp khắc phục về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính trong thời gian tới:

Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, phương án sắp xếp, đổi mới về tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; theo đó, tập trung giảm chi từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của đơn vị; sắp xếp, đổi mới cơ chế tài chính để giảm số lượng loại hình đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, tăng số lượng loại hình đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, hướng đến tự đảm bảo chi thường xuyên; đẩy mạnh loại hình đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và loại hình đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, cũng như chuyển sang loại hình công ty cổ phần, cụ thể:

a) Đối với lĩnh vực sự nghiệp giáo dục, văn hóa, sự nghiệp khác

* Năm 2017

Chuyển 12 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên sang loại hình đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Thực hiện xác định giá trị tài sản nhà nước tại 12 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư này để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính, cụ thể:

(1) Trung tâm dịch vụ việc làm, trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

(2) Trung tâm Quy hoạch và kiểm định chất lượng công trình xây dựng, trực thuộc Sở Xây dựng;

(3) Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới, trực thuộc Sở Giao thông vận tải;

(4) Trung tâm Sát hạch lái xe, trực thuộc Sở Giao thông vận tải;

(5) Ban Quản lý Cảng Sa Kỳ, trực thuộc Sở Giao thông vận tải;

- (6) Phòng Công chứng số 1, trực thuộc Sở Tư pháp;
- (7) Trung tâm Kỹ thuật Quan trắc môi trường, trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi;
- (8) Trung tâm tư vấn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- (9) Trung tâm Giống, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh;
- (10) Ban Quản lý các cảng cá, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh;
- (11) Trung tâm Trắc địa và quan trắc môi trường, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;
- (12) Nhà khách UBND tỉnh, trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

** Đến năm 2018:*

Chuyên 04 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên sang loại hình đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên (*tự chủ 100% chi thường xuyên*), cụ thể:

- (1) Trung tâm Dịch thuật, trực thuộc Sở Ngoại vụ;
- (2) Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, trực thuộc Sở Tư pháp;
- (3) Trung tâm Phát triển quỹ đất Dung Quất, trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi;
- (4) Trung tâm phát triển quỹ đất, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

**. Đến năm 2020:*

(1) Tăng tỷ lệ % tự đảm bảo chi thường xuyên của 07 đơn vị (*đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên*) lên 30%, cụ thể:

- Trường Chính trị tỉnh;
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, trực thuộc Sở Tư pháp;
- Trung tâm Khuyến nông, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Kho Lưu trữ chuyên dụng, trực thuộc Chi cục Văn thư – Lưu trữ, Sở Nội vụ;
- Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường ;
- Trung tâm Công báo và tin học, trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

(2) Tăng tỷ lệ % tự đảm bảo chi thường xuyên của 02 đơn vị (*đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên*) lên 50%, cụ thể:

- Trung tâm Huấn luyện thi đấu thể dục thể thao, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông, trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

(3) Tăng tỷ lệ % tự đảm bảo chi thường xuyên của Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh lên 60%.

(4) Tăng tỷ lệ % tự đảm bảo chi thường xuyên của 04 đơn vị (*đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên*) lên 70%, cụ thể:

- Trường Đại học Phạm Văn Đồng;
- Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm;
- Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Diên Hồng, trực thuộc Tỉnh đoàn;

- Văn phòng đăng ký đất đai, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

(5) Tăng tỷ lệ % tự đảm bảo chi thường xuyên của 04 đơn vị (*đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên*) lên 75%, cụ thể:

- Trung tâm Văn hóa và Chiếu bóng tỉnh, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng và Trung tâm Văn hóa thể thao Dung Quất*);

- Đoàn Ca múa nhạc dân tộc, thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Tạp chí Cẩm Thành, thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Ban Quản lý khu chứng tích Sơn Mỹ, thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Tiếp tục chuyển 06 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên sang loại hình đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên (*tự chủ 100% chi thường xuyên*), cụ thể:

- Trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi;

- Trường trung cấp nghề Quảng Ngãi (*trên cơ sở sáp nhập Trường Trung cấp nghề Đức Phổ, Trung tâm Đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất vào Trường Trung cấp nghề Quảng Ngãi*), trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Trung tâm Dạy nghề Nông dân và Phụ nữ tỉnh, trực thuộc Hội nông dân tỉnh (*trên cơ sở hợp nhất Trung tâm dạy nghề Phụ nữ, trực thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân, trực thuộc Hội nông dân tỉnh*);

- Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng;

- Trung tâm kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất, trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi (*trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý Rừng phòng hộ môi trường, cảnh quan Dung Quất và Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất*);

- Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

** Đến năm 2022:*

Tiếp tục chuyển 04 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên sang loại hình đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên (*tự chủ 100% chi thường xuyên*), cụ thể:

- (1) Trường Đại học Phạm Văn Đồng;
- (2) Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm;
- (3) Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Diên Hồng, trực thuộc Tỉnh đoàn;
- (4) Văn phòng đăng ký đất đai, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

** Đến năm 2025:*

(1) Tăng tỷ lệ % tự đảm bảo chi thường xuyên của 07 đơn vị (*đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên*) lên 70%, cụ thể:

- Trường Chính trị tỉnh;
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, trực thuộc Sở Tư pháp;
- Trung tâm Khuyến nông, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Kho Lưu trữ chuyên dụng, trực thuộc Chi cục Văn thư – Lưu trữ, Sở Nội vụ;
- Trung tâm Công báo và tin học, trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

(2) Tiếp tục chuyển 07 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên sang loại hình đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên (*tự chủ 100% chi thường xuyên*), cụ thể:

- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Văn hóa và Chiếu bóng tỉnh, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng và Trung tâm Văn hóa thể thao Dung Quất*);
- Đoàn Ca múa nhạc dân tộc, thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Tạp chí Cẩm Thành, thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Ban Quản lý khu chứng tích Sơn Mỹ, thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Trung tâm Huấn luyện thi đấu thể dục thể thao, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông, trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Đối với Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh (sau khi sáp nhập Ban Quản lý phát triển đô thị Dung Quất).

Thực hiện theo cơ chế tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên. Tuy nhiên, trong giai đoạn từ năm 2017 đến hết 2020, ngân sách Nhà nước sẽ hỗ trợ một phần chi phí hoạt động thường xuyên đối với bộ phận thực hiện chức năng phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác phát triển đô thị Dung Quất (năm 2017, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 80%; năm 2018, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 60%; năm 2019, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 45%; năm 2020, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 30%).

(Có phương án cụ thể theo Phụ lục số 2 kèm theo).

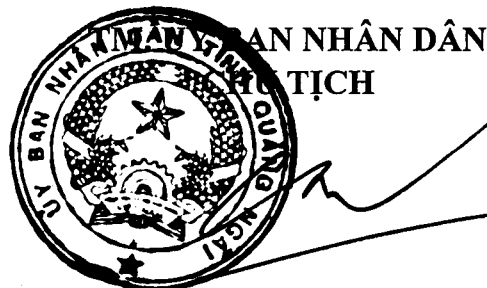
c) Đối với lĩnh vực y tế

Từ năm 2017 trở đi, đối với hệ điều trị thực hiện cơ chế giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Liên Bộ Y tế - Tài chính quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc để tăng tỷ lệ % tự đảm bảo chi thường xuyên của các bệnh viện và trung tâm y tế, phấn đấu đến 2025 đối với các Trung tâm y tế huyện đồng bằng và bệnh viện tuyến tỉnh tự đảm bảo chi thường xuyên.

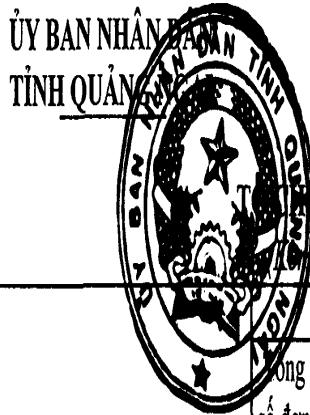
Trên đây là báo cáo cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP(NC), CBTH;
- Lưu: VT, NC_{lmc138}.



Trần Ngọc Căng



PHỤ LỤC
PHÂN LOẠI VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
theo Báo cáo số 35 /BC-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

STT	Phân loại	31/12/2011						31/12/2016						Số sánh tăng, giảm (cột 10/3)	Số sánh tăng, giảm (cột 11/4)		
		Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Tổng số người làm việc	Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (biên chế giao)	Số lượng người làm việc đã thực hiện tuyển dụng (biên chế thực hiện)	Số lượng HĐLĐ trong biên chế (hường lương từ ngân sách NN)	Số lượng HĐLĐ đơn vị tự quyết định (hường lương từ ngân sách NN)	Số lượng HĐLĐ theo ND 68/2000 /ND-CP	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Tổng số người làm việc	Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (biên chế giao)	Số lượng người làm việc đã thực hiện tuyển dụng (biên chế thực hiện)	Số lượng HĐLĐ trong biên chế (hường lương từ ngân sách NN)			Số lượng HĐLĐ đơn vị tự quyết định (hường lương từ nguồn thu của đơn vị)	Số lượng HĐLĐ theo ND 68/2000 /ND-CP
I	Phân theo thẩm quyền thành lập	1034	23507	23136	21412	997	901	197	1017	27591	25207	22230	2494	2396	471	-17	4084
1	Đơn vị do UBND tỉnh thành lập	381	8640	8078	7601	255	596	188	375	10711	9110	8240	368	1667	436	-6	2071
2	Đơn vị do UBND huyện, thành phố thành lập	653	14867	15058	13811	742	305	9	642	16880	16097	13990	2126	729	35	-11	2013
II	Phân Theo cấp quản lý	1034	23507	23136	21412	997	901	197	1017	27591	25207	22230	2494	2396	471	-17	4084
1	Đơn vị thuộc UBND tỉnh	2	506	456	401	32	68	5	4	632	544	444	72	106	10	2	126
2	Đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành	329	7580	7278	6920	133	355	172	319	9279	8091	7438	193	1238	410	-10	1699
3	Đơn vị thuộc BQL Khu kinh tế Dung Quất và BQL các KCN tỉnh	7	254	121	78	33	133	10	7	296	136	95	28	161	12	0	42
4	Đơn vị thuộc UBND huyện, thành phố	676	14804	14943	13683	767	345	9	668	16867	16070	13909	2132	789	37	-8	2063
5	Đơn vị thuộc cấp quản lý khác (thuộc Chi cục và tương đương; thuộc các phòng, ban chuyên môn cấp huyện ...)	20	363	338	330	32		1	19	517	366	344	69	102	2	-1	154

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
III	Phân theo mức độ tự chủ	1034	23507	23136	21412	997	901	197	1017	27591	25207	22230	2494	2396	471	-17	4084
1	Đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư	3	21				20	1	6	80				79	1	3	59
2	Đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên	15	289				289		13	368				368		-2	79
3	Đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	57	2722	2373	2193	132	300	97	67	6574	5742	5283	292	724	275	10	3852
4	Đơn vị do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên	959	20475	20763	19219	865	292	99	931	20569	19465	16947	2202	1225	195	-28	94
IV	Phân theo lĩnh vực	1034	23507	23136	21412	997	901	197	1017	27591	25207	22230	2494	2396	471	-17	4084
1	Đơn vị thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo	660	17667	17904	16501	687	312	167	662	20266	19461	16965	2093	974	234	2	2599
	- Đại học	1	333	351	296	32	2	3	1	351	351	278	66	4	3	0	18
	- Cao đẳng chuyên nghiệp, cao đẳng nghề	1	62	50	44		17	1	2	126	90	76	6	38	6	1	64
	- Trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề	2	124	70	63	6	54	1	2	133	75	64	5	63	1	0	9
	- Trung tâm đào tạo Kỹ thuật NV GTVT Quảng Ngãi (thuộc trường CĐ VN-HQ-QN)									65				65		0	65
	- Trường Giáo dục trẻ Khuyết tật tỉnh	1	29	23	21			8	1	31	39	17		7	7	0	2
	- Trường Năng khiếu TDTT	1	26	19	17	8		1	1	40	20	20		17	3	0	14
	- Trung tâm đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất	1	19	18	10	7	1	1	1	25	26	10	10		5	0	6
	- Trung tâm DN-GD TX & HN tỉnh	1	29	26	25			4	1	29	26	24		2	3	0	0
	- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	13	123	139	115	3		5	13	172	180	135	25	11	1	0	49
	- Trung học phổ thông	36	2223	2248	2138			85	36	2712	2660	2447		133	132	0	489
	- Trung học cơ sở	182	6054	6108	5751	206	69	28	182	6141	6156	5387	568	138	48	0	87
	- Tiểu học	228	6183	6293	5809	300	73	1	227	6617	6415	5692	713	210	2	-1	434
	- Mầm non	193	2462	2559	2212	125	96	29	195	3824	3423	2815	700	286	23	2	1362
2	Đơn vị thuộc lĩnh vực y tế	233	3910	4055	3910				233	4780	4341	4106		476	198	0	870
	- Tuyển tỉnh	14	1081	1191	1081				14	1549	1329	1297		87	165	0	468
	- Tuyển huyện	36	1675	1839	1675				36	2084	1819	1662		389	33	0	409

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	- Y tế xã, phường, thị trấn	183	1154	1025	1154				183	1147	1193	1147				0	-7
3	Đơn vị thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ	1	19	18	16	2	1		2	33	32	28	4	1		1	14
4	Đơn vị thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	25	531	373	341	111	66	13	26	565	399	328	37	188	12	1	34
5	Đơn vị thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông	6	61	55	38	18	4	1	6	68	61	46	8	13	1	0	7
6	Đơn vị thuộc lĩnh vực lưu trữ	1	28	10	9		19		1	29	14	11		17	1	0	1
7	Đơn vị thuộc lĩnh vực tư pháp	3	39	39	39				3	48	46	38	8		2	0	9
8	Đơn vị thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	10	235	153	129	4	100	2	11	249	165	138	17	91	3	1	14
9	Đơn vị thuộc lĩnh vực xây dựng và kiến trúc	3	24	3	3		21		4	57	7	7		50		1	33
10	Đơn vị thuộc lĩnh vực tài nguyên, môi trường, khí tượng, thủy văn, đo đạc, bản đồ, biển và hải đảo	6	110	29	26	3	81		3	267	110	94	96	77		-3	157
11	Đơn vị thuộc lĩnh vực dạy nghề, lao động và xã hội	5	94	55	37	14	37	6	4	112	66	51	7	47	7	-1	18
12	Đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp khác	81	789	442	363	158	260	8	62	1117	505	418	224	462	13	-19	328

Ghi chú:

- Cột 4 = Cột 6+Cột 7+Cột 8+Cột 9

- Cột 11 = Cột 13+Cột 14+Cột 15+Cột 16